

## Các quy định về chứng chỉ ngoại ngữ học giáo viên nên biết

Cùng với chứng chỉ [Chức danh nghề nghiệp](#), thì các chứng chỉ ngoại ngữ; chứng chỉ tin học cũng là điều các thầy cô nên nắm rõ. Tránh việc đến lúc cần thì chứng chỉ của mình lại không sử dụng được. Sau đây là một số quy định của nhà nước về chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học đã được [VnDoc](#) tổng hợp lại, mời các bạn cùng tham khảo.

### Đơn vị được cấp phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ

Theo [Thông báo 538/QLCL-QLVBCC](#) của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến thời điểm hiện tại có 8 đơn vị được phép tổ chức thi và cấp Chứng chỉ ngoại ngữ, theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc gồm:

- Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng;
- Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế;
- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trường Đại học sư phạm Hà Nội;
- Trường Đại học Hà Nội
- Đại học Thái Nguyên;
- Đại học Cần Thơ.

Với chứng chỉ Tin học, các Sở giáo dục (Ủy ban Nhân dân Tỉnh) sẽ có quyết định thông báo đến các đơn vị trường học, Chứng chỉ tin học của Trung tâm tin học nào trong tỉnh cấp, được công nhận trong hồ sơ giáo viên.

Theo quy định hiện hành, ở mỗi cấp học giáo viên phải đáp ứng các yêu cầu khác nhau về tiêu chuẩn Ngoại ngữ, Tin học, sao cho phù hợp với từng cấp.

Dưới đây là những thông tin về quy định chuẩn ngoại ngữ, tin học đối với giáo viên ở từng cấp học mà mọi giáo viên cần nắm rõ.

### Quy định chứng chỉ đối với giáo viên tiểu học

| Hạng giáo viên                                | Môn học đảm nhiệm             | Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ                                                                                                                                               | Yêu cầu về trình độ tin học                                                                                          |
|-----------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giáo viên tiểu học hạng IV (Mã số V.07.03.09) | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A1) hoặc;<br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |

|                                                |                               |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                      |
|------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                |                               | dụng tiếng dân tộc.                                                                                                                                                                             |                                                                                                                      |
|                                                | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A1).                                                                  |                                                                                                                      |
| Giáo viên tiểu học hạng III (Mã số V.07.03.08) | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2) hoặc;<br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2).                                                                  |                                                                                                                      |
| Giáo viên tiểu học hạng II (Mã số V.07.03.07)  | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2) hoặc;<br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2).                                                                  |                                                                                                                      |

**Quy định chứng chỉ đối với giáo viên Trung học cơ sở:**

| Hạng giáo viên            | Môn học đảm nhiệm   | Yêu cầu trình độ ngoại ngữ                           | Yêu cầu trình độ tin học                      |
|---------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Giáo viên trung học cơ sở | Giáo viên không dạy | - Bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng |

|                                                            |                               |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| sở hạng III<br>(Mã số<br>V.07.04.12)                       | ngoại ngữ                     | 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2) hoặc;<br><br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc.                                                      | công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT                                               |
|                                                            | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2).                                                                      |                                                                                                                      |
| Giáo viên trung học cơ sở hạng II<br>(Mã số<br>V.07.04.12) | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2) hoặc;<br><br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                            | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2).                                                                      |                                                                                                                      |
| Giáo viên trung học cơ sở hạng I<br>(Mã số<br>V.07.04.10)  | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng B1) hoặc;<br><br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                            | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng B1).                                                                      |                                                                                                                      |

**Quy định chứng chỉ đối với giáo viên Trung học phổ thông**

| Hạng giáo viên                                            | Môn học đảm nhiệm             | Yêu cầu trình độ ngoại ngữ                                                                                                                                                                          | Yêu cầu trình độ tin học                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giáo viên trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15) | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2) hoặc;<br><br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                           | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2).                                                                      |                                                                                                                      |
| Giáo viên trung học phổ thông hạng II (Mã số V.07.05.14)  | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2) hoặc;<br><br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                           | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng A2).                                                                      |                                                                                                                      |
| Giáo viên trung học phổ thông hạng I (Mã số V.07.05.13)   | Giáo viên không dạy ngoại ngữ | - Bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT (tương đương với bằng B1) hoặc;<br><br>- Chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc. | Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT |
|                                                           | Giáo viên dạy ngoại ngữ       | - Trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 khung năng lực ngoại                                                                                                                                    |                                                                                                                      |

|  |  |                                                                     |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------|--|
|  |  | ngữ theo Thông tư<br>01/2014/TT-BGDĐT (tương<br>đương với bằng B1). |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------|--|

Để hiểu mình cần loại chứng chỉ gì, có nhu cầu hay không, giáo viên cần hiểu rõ mình hạng nào? Có nhu cầu thăng hạng hay không? Địa phương có yêu cầu hay không, có xét thăng hạng không? Các chứng chỉ mình có phải đồng nhất, mới được thăng hạng.

Việc học tập một số kỹ năng tin học, phục vụ cho công tác dạy học rất cần thiết, khi áp dụng công nghệ thông tin dạy học; có thể không cần chứng chỉ, cũng nên tự học Tin học.

Biết thêm một ngoại ngữ, biết thêm nền văn hóa; tự học ngoại ngữ cũng chính làm tâm hồn, cuộc sống mỗi giáo viên đẹp hơn.